

**TÒA ÁN N DÂN  
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 20 tháng 12 năm 2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**N D  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Minh Tân**

*Các Hội thẩm N dân:*

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Bà **Khru Liên Dung**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Minh Thảo** – Thư ký Tòa án N dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

**- Đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Tố Như** -Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án N dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 468/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ông **Trần Thành C**, sinh năm 1964. Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

\* Bị đơn: Bà **Vũ Thị B**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số 15, khóm N, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông C và bà B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn ông **Trần Thành C** trình bày:

Về hôn N: Ông và bà **Vũ Thị B** tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1994, có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp dẫn đến cãi vã thường xuyên. Mâu thuẫn kéo dài và không thể hàn gắn được. Nay xét

thấy cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nên ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vũ Thị B.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên Trần Vũ Hoàng D, sinh năm 1994 và Trần Vũ Minh N, sinh năm 1995. Do các con chung đã trưởng thành, tự lao động kiếm sống được nên ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Vũ Thị B trình bày:

Về hôn N: Bà và ông Trần Thành C tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1994, có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp dẫn đến cãi vã thường xuyên. Mâu thuẫn kéo dài và không thể hàn gắn được. Nay xét thấy cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nên bà B đồng ý ly hôn với ông C.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên Trần Vũ Hoàng D, sinh năm 1994 và Trần Vũ Minh N, sinh năm 1995. Do các con chung đã trưởng thành, tự lao động kiếm sống được nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Không C nhận quan hệ giữa ông Trần Thành C và bà Vũ Thị B là vợ chồng. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Vũ Hoàng D, sinh năm 1994 và Trần Vũ Minh N, sinh năm 1995. Do các con chung đã trưởng thành, tự lao động kiếm sống được, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định tài sản chung tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Ông Trần Thành C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:*

### *Về tố tụng:*

[1] Ông Trần Thành C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Vũ Thị B. Bà B có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Ông Trần Thành C và bà Vũ Thị B đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông C và bà B theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### *Về nội dung:*

[1] Về hôn N: Ông Trần Thành C và bà Vũ Thị B tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1994 là có xảy ra trên thực tế, được hai bên đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014 thì việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định pháp luật, việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý.

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không C nhận quan hệ giữa ông Trần Thành C và bà Vũ Thị B là vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông C và bà B thống nhất xác định ông bà có hai con chung tên Trần Vũ Hoàng D, sinh năm 1994 và Trần Vũ Minh N, sinh năm 1995. Cả ông bà đều xác định các con chung hiện nay đã trưởng thành, tự lao động kiếm sống được, không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định xác định tài sản chung tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Ông Trần Thành C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không C nhận quan hệ giữa ông Trần Thành C và bà Vũ Thị B là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Vũ Hoàng D, sinh năm 1994 và Trần Vũ Minh N, sinh năm 1995. Do các con chung đã trưởng thành, tự lao động kiếm sống được, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình ông Trần Thành C phải chịu 300.000 đồng. Ông C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0008079 ngày 10/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Minh Tân**